TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2021
"Về việc ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đô.
2. Bà Lê Thị Thận.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2021, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (Vắng).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Vũ Văn B, sinh năm 1992 (Vắng).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn B tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/02/2013. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị và anh B đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau chị và anh Vũ Văn B có 02 con chung là Vũ Nhật N, sinh ngày 15/4/2013, Vũ Anh T, sinh ngày 25/7/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Anh T, giao con chung là Vũ Nhật N cho anh Vũ Văn B trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn B trình bày: Anh xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị T, như chị Nguyễn Thị T khởi kiện là đúng. Hiện nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý mà không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Vũ Nhật N, sinh ngày 15/4/2013, Vũ Anh T, sinh ngày 25/7/2016. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Nhật N, giao con chung là Vũ Anh T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Vũ Văn B, nơi cư trú của anh Vũ Văn B tại thôn Sơn T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án "Hôn nhân gia đình" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Vũ Văn B yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn B tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/02/2013. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn B là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống

dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị và anh B đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn anh Vũ Văn B cũng xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị T, như chị Nguyễn Thị T khởi kiện là đúng. Hiện nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý mà không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình với chị Nguyễn Thị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn B thấy rằng: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Vũ Nhật N, sinh ngày 15/4/2013, Vũ Anh T, sinh ngày 25/7/2016. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Anh T, giao con chung là Vũ Nhật N cho anh Vũ Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, anh Vũ Văn B cũng đồng ý theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Do đó cần giao con chung là Vũ Anh T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, giao con chung là Vũ Nhật N cho anh Vũ Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T, anh Vũ Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Văn B.

[2]. Về con chung: Giao con chung Vũ Anh T, sinh ngày 25/7/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Giao con chung Vũ Nhật N, sinh ngày 15/4/2013 cho Vũ Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T, anh Vũ Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016111 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[7]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh